TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2026/QĐST-VDS	*Đắk Lắk, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Văn Vân.

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Thảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai, giải quyết việc dân sự thụ lý số 115/2026/TLST-VDS, ngày 20 tháng 4 năm 2026, về *Yêu cầu xác định cha cho con* theo Quyết định mở phiên họp số 05/2026/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2026.

- *Người yêu cầu:* Anh Y T Niê, sinh ngày 02/02/1997; số căn cước công dân: 066097007616.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn K, phường C, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị H M Niê, sinh ngày 25/01/1989, số căn cước công dân 066189017151.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn K, phường C, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

- Anh Y TV Ayun, sinh năm 1989, số căn cước công dân 066089016884.

Địa chỉ nơi thường trú: Buôn K, phường C, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam G, Cục C10, Bộ Công an - vắng mặt (có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Cháu H MA Niê, sinh ngày 03/12/2025.

- *Người đại diện hợp pháp của cháu H MA Niê:* Chị H M Niê, sinh ngày 25/01/1989, số căn cước công dân 066189017151 (mẹ đẻ cháu H MA Niê).

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn K, phường C, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 06/4/2026, quá trình giải quyết và tại phiên họp người yêu cầu anh Y T Niê trình bày:

Tôi và chị H M Niê chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2024, trong thời gian chung sống có một người con chung, con do chị H M sinh ra theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B thuộc Sở

y tế Đắk Lắk cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025, dự định đặt tên con là H MA Niê, con sinh ra khi chị H M đang có quan hệ hôn nhân với anh Y TV. Sau đó, chị H M Niê đã ly hôn với anh Y TV theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực A - Gia Lai, tỉnh Gia Lai. Khi làm khai sinh cho con tôi không được quyền đứng tên cha đẻ trên giấy khai sinh, dẫn đến hiện tại con vẫn chưa được làm giấy khai sinh, điều này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của con và gia đình tôi.

Hiện nay tôi và chị H M đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2026 ngày 01/4/2026 của Uỷ ban nhân dân phường C, tỉnh Đắk Lắk, đang cùng chung sống và chăm sóc con.

Quá trình giải quyết, tôi đã yêu cầu Toà án trưng cầu giám định ADN giữa tôi và con, tại Bản kết luận giám định ADN số BT26.3192 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Di truyền DNA TESTINGS LAB, đã kết luận tôi có quan hệ huyết thống Cha – con với con do chị H M Niê sinh ra (dự kiến đặt tên con là H MA Niê), độ tin cậy 99,9999 %.

Vì vậy, để đảm bảo quyền về nhân thân, được xác nhận cha cho con theo quy định của pháp luật, tôi yêu cầu Toà án giải quyết xác nhận tôi là cha đẻ của con do chị H M sinh ra, theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025.

Đối với các ý kiến của anh Y TV Ayun, tôi không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H M Niê quá trình giải quyết và tại phiên họp trình bày:

Tôi đồng ý với các ý kiến trình bày của anh Y T Niê, trong thời gian còn quan hệ hôn nhân với anh Y TV, tôi và anh Y T có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2024 và có một người con chung, hiện tại chưa đăng ký khai sinh, con dự định đặt tên là H MA Niê, theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025. Tôi cũng đã ly hôn với anh Y TV theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực A - Gia Lai, tỉnh Gia Lai. Sau khi ly hôn với anh Y TV, tôi và anh Y T Niê đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2026 ngày 01/4/2026 của Uỷ ban nhân dân phường C, tỉnh Đắk Lắk, đang cùng chung sống và chăm sóc con.

Tôi đồng ý với kết luận giám định ADN của Công ty trách nhiệm hữu hạn Di truyền DNA TESTINGS LAB, đã xác định con do tôi sinh ra có quan hệ huyết thống cha – con với anh Y T. Tôi đồng ý với yêu cầu xác nhận cha cho con của anh Y T, đề nghị Toà án giải quyết xác nhận anh Y T Niê là cha đẻ của con do tôi sinh ra theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025, con dự định đặt tên là H MA Niê.

Đối với ý kiến của anh Y TV tôi không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Y TV Ayun quá trình giải quyết đã trình bày:

Chị H M Niê là vợ cũ của anh Y TV, còn anh Y T Niê thì anh Y TV không quen biết, anh Y TV và chị H M Niê đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực A – Gia Lai, tỉnh Gia Lai. Anh Y TV và chị H M trong quá trình chung sống có hai con chung là H M S Niê, sinh ngày 18/7/2011, H M Sn Niê, sinh ngày 08/11/2015. Hiện nay anh Y T Niê có yêu cầu Toà án xác nhận anh Y T Niê là cha ruột của con do chị H M Niê sinh ra, theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 được Bệnh viện đa khoa thành phố B cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025 thì anh Y TV không có ý kiến gì. Anh Y TV không có tài liệu chứng cứ để cung cấp và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đối với anh Y TV.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý việc dân sự đến thời điểm mở phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên họp. Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 68, 70, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, tại Bản kết luận giám định ADN số BT26.3192 ngày 19/5/2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Di truyền DNA TESTINGS LAB, kết luận: Y T Niê có quan hệ huyết thống cha – con với con bà H M Niê sinh ra (tên dự kiến: H MA Niê), độ tin cậy 99.9999 %. Chị H M là mẹ cháu bé đồng ý với yêu cầu xác nhận cha cho con của anh Y T.

Do đó, căn cứ khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 88, 89, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Điều 13 Luật trẻ em năm 2016; Luật hộ tịch năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Y T Niê về việc xác định anh Y T Niê là cha đẻ của con do chị H M Niê sinh ra, theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025, con dự định đặt tên là H MA Niê.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự, người yêu cầu có nơi cư trú tại phường C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con: Anh Y T và chị H M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2024 trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm này chị H M Niê và anh Y TV là vợ chồng hợp pháp nhưng chưa ly hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị H M và anh Y TV đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực A - Gia Lai, tỉnh Gia Lai, được các đương sự thừa nhận. Sau khi chị H M Niê và anh Y TV ly hôn thì anh Y T và chị H M đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2026 ngày 01/4/2026 tại Uỷ ban nhân dân phường C, tỉnh Đắk Lắk, đang cùng chung sống và chăm sóc con là có thật.

Trong thời gian chung sống anh Y T và chị H M có 01 người con chung, theo giấy chứng sinh mã số: 01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B - Sở y tế Đắk Lắk cấp ngày 03/12/2025, giới tính nữ, sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025. Toà án đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN, tại Bản kết luận giám định ADN số BT26.3192 ngày 19/5/2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Di truyền DNA TESTINGS LAB, đã kết luận: Anh Y T Niê có quan hệ huyết thống cha – con với con chị H M Niê (tên dự kiến: H MA Niê), độ tin cậy 99,9999 %. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận anh Y T Niê là cha đẻ của con dự định đặt tên là H MA Niê, sinh ngày 03/12/2025 là phù hợp quy định tại các Điều 88, 89, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: Anh Y T Niê phải chịu chi phí giám định số tiền là 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng anh Y T Niê đã nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

[4] Về lệ phí: Đây là yêu cầu xác định cha cho con chưa đủ 18 tuổi nên người yêu cầu anh Y T Niê được miễn nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 10 Điều 29; Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 1 Điều 161, Điều 370, 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Luật trẻ em năm 2016; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu anh Y T Niê, về việc yêu cầu xác định cha cho con.

- Xác định anh Y T Niê, sinh ngày 02/02/1997; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 066097007616, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/01/2022; nơi thường trú: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn K, phường C, tỉnh Đắk Lắk) là cha đẻ của con do chị H M Niê sinh vào lúc 21 giờ 35 phút ngày 03/12/2025, giới tính nữ, theo giấy chứng sinh mã số:

01641.GCS.66003.25 do Bệnh viện đa khoa thành phố B thuộc Sở y tế Đắk Lắk cấp ngày 03/12/2025, con dự định đặt tên là H MA Niê.

2. Về chi phí giám định: Người yêu cầu anh Y T Niê phải chịu chi phí giám định ADN số tiền là 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng anh Y T Niê đã nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Y T Niê được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền khiếu nại quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường C, Đắk Lắk;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân